

Số: /QĐ-DANNGT

Khánh Hòa, ngày tháng 6 năm 2026

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi năm 2026 (lần 1)**

#### **GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ GIAO THÔNG TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các tài khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 V/v giao dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 1267/QĐ-UBND và số 1267/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 V/v bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông Khánh Hòa;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, theo hồ sơ điều chỉnh dự toán thu, chi năm 2026 (lần 1).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi của Ban quản lý dự án đầu tư Xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông năm 2026 (lần 1) như sau:

*ĐVT: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3 = 4+5	4	5	6
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU</b>	<b><u>32.847.767.081</u></b>	<b><u>32.810.475.081</u></b>	<b><u>37.292.000</u></b>	
<b>I</b>	<b>Tổng số thu:</b>	<b><u>32.847.767.081</u></b>	<b><u>32.810.475.081</u></b>	<b><u>37.292.000</u></b>	
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang (tạm tính)	7.321.195.274	7.321.195.274	0	
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	25.210.279.807	25.210.279.807	0	
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	0	0	0	
4	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	37.292.000	0	37.292.000	
5	Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ	279.000.000	279.000.000	0	
<b>II</b>	<b>Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>III</b>	<b>Nguồn thu sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)</b>	<b><u>32.847.767.081</u></b>	<b><u>32.810.475.081</u></b>	<b><u>37.292.000</u></b>	
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ	279.000.000	279.000.000	0	
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên	32.568.767.081	32.531.475.081	37.292.000	
3	Nguồn NSNN cấp chi không thường xuyên (nếu có)	0	0	0	
4	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên (nếu có)	0	0	0	
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI</b>	<b><u>32.847.767.081</u></b>	<b><u>32.810.475.081</u></b>	<b><u>37.292.000</u></b>	
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b><u>32.568.767.081</u></b>	<b><u>32.531.475.081</u></b>	<b><u>37.292.000</u></b>	
1	Tiền lương	9.069.903.512	9.069.903.512	0	
2	Tiền công	384.979.200	384.979.200	0	
3	Các khoản phụ cấp lương	192.548.000	192.548.000	0	
4	Các khoản trích nộp theo lương	2.269.146.217	2.269.146.217	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3 = 4+5	4	5	6
5	Khen thưởng	1.018.000.000	1.018.000.000	0	
6	Phúc lợi tập thể	200.000.000	200.000.000	0	
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	550.000.000	550.000.000	0	
8	Mua vật tư văn phòng	600.000.000	600.000.000	0	
9	Thanh toán thông tin, tuyên truyền	300.000.000	300.000.000	0	
10	Hội nghị	150.000.000	150.000.000	0	
11	Thanh toán công tác phí	300.000.000	300.000.000	0	
12	Thuê mướn	200.000.000	200.000.000	0	
13	Đoàn đi công tác tại nước ngoài	0	0	0	
14	Đoàn vào	100.000.000	100.000.000	0	
15	Sửa chữa thường xuyên tài sản	300.000.000	300.000.000	0	
16	Khác	500.000.000	462.708.000	37.292.000	
17	Dự phòng	400.000.000	400.000.000	0	
18	Trích lập quỹ	15.596.924.152	15.596.924.152		
19	Rút tiền mặt để hoàn trả BHXH từ tháng 7 đến tháng 12/2025 của Ban NN & PTNT Khánh Hòa (chi từ nguồn của Ban Nông nghiệp chuyển sang)	437.266.000	437.266.000	0	
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ.</b>	<b>279.000.000</b>	<b>279.000.000</b>	<b>0</b>	
<b>III</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>6.700.000.000</b>	<b>6.700.000.000</b>	<b>0</b>	
1	Chi không thường xuyên từ nguồn NSNN cấp	0	0	0	
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản	0	0	0	
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý	0	0	0	
1.3	Sửa chữa tài sản lớn cố định	0	0	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3 = 4+5	4	5	6
1.4	Chi thực hiện tinh giản biên chế	0	0	0	
1.5	Chi khác	0	0	0	
2	Chi không thường xuyên từ Quỹ	<b>6.700.000.000</b>	<b>6.700.000.000</b>	0	
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản	0	0	0	
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý	<u>4.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>	0	
2.2.1	Mua 02 xe ô tô phục vụ công tác chung của Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và Giao thông Khánh Hòa	3.200.000.000	3.200.000.000		
2.2.2	Mua máy móc thiết bị, trang bị phòng BIM..... phục vụ công tác quản lý của Ban	800.000.000	800.000.000		
2.3	Sửa chữa tài sản lớn cố định	2.500.000.000	2.500.000.000	0	
2.4	Chi thực hiện tinh giản biên chế	200.000.000	200.000.000	0	
2.5	Chi khác	0	0	0	

**Điều 2.** Phó Giám đốc, lãnh đạo các phòng thuộc Ban và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Kho Bạc NN KV XIV
- Sở Tài chính KH (VBĐT)
- Lưu: VT, Diêu Na.

**GIÁM ĐỐC**

**Đặng Hữu Tài**